

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HS-ST

Ngày: 27/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P – TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành, ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **N H H**. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh năm 1999, tại Bình Định; Nơi cư trú: Tổ 06 (trước đây là Tổ 12), phường HT, TP. P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Cha: **N H N**, sinh năm 1968, hiện trú tại Tổ 06, phường HT, TP. P, tỉnh Gia Lai.

Mẹ: **NTT**, sinh năm 1967, hiện trú tại phường AL, quận BT, TP. Hồ Chí Minh.

Gia đình bị cáo có 04 anh, chị ruột; lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1999. Bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 16/3/2017, bị Tòa án nhân dân TP. P, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 34/HSST.

Ngày 13/7/2017, bị Tòa án nhân dân TP. P, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm 04 tháng tù về tội: “*Cướp giật tài sản*” (theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 88/HSST. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 34/HSST ngày 16/3/2017, buộc **N H H** chấp hành hình phạt chung là 03 năm 11 tháng tù; chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an. Ngày 09/5/2019, chấp hành xong hình phạt tù.

Các lần bị kết án trên, **N H H** đã được xóa án tích.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Bị cáo N H H bị tạm giam từ ngày 03/12/2022 cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an TP. P.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh LBL – sinh năm: 2004.

Địa chỉ: Thôn PM, xã IB, huyện CP, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh TĐT, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 44 Út Tịch, tổ 3, phường HP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N H H là người đã bị kết án về tội: “*Cướp giật tài sản*” và đã được xoá án tích. H quen biết anh L B L, thỉnh thoảng cả hai có đi chơi với nhau, nên H biết anh L có xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Rainer, biển số 81B2-884.29. Giữa H và T Đ T là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/02/2021, anh L gọi điện thoại cho H nói sẽ đến nhà H chơi, nhưng H không đồng ý đồng thời rủ anh L ra quán nhậu Shock Bờ Kè thuộc phường HP, TP. P để nhậu, nói chuyện, thì anh L đồng ý. Lúc này, do cần tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định khi gặp anh L thì H sẽ giả vờ mượn, rồi chiếm đoạt xe mô tô 81B2-884.29 của anh L đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Ngay sau đó, H gọi điện thoại và nhờ T đến quán nhậu Shock Bờ Kè để đi cầm cố giúp H xe mô tô hiệu Suzuki Rainer không có giấy tờ. T đồng ý và hỏi lại H là cầm bao nhiêu, H nói cầm 10.000.000 đồng, thì T nói xe không có giấy tờ chỉ cầm được 8.000.000 đồng. Như đã hẹn, khoảng gần 18 giờ ngày 14/02/2021 anh L điều khiển xe mô tô 81B2-884.29 đến quán nhậu Shock Bờ Kè, thì thấy H và 02 người bạn của H (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) đang ngồi nhậu tại đây; H gọi anh L vào ngồi nhậu cùng với H và bạn của H. Khoảng 10 phút sau, T đến quán nhậu Shock Bờ Kè vào cùng ngồi bàn nhậu với H, anh L và bạn của H. Một lúc sau, H giả vờ đề nghị anh L cho mượn xe mô tô 81B2-884.29 để H chở T đi lấy áo khoác; anh L không nghi ngờ gì, nên đồng ý và giao chìa khóa xe cho H. Khi anh L giao chìa khóa xe, H nói với T : “*Đi bạn*”, thì T ra điều khiển xe mô tô 81B2-884.29 chở H đi. Lúc này khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô 81B2-884.29 chở H đến đầu đường Nguyễn Tất Thành giao nhau với đường Lê Duẩn, thì bảo H xuống xe đứng chờ. T điều khiển xe mô tô 81B2-884.29 đến tiệm cầm đồ Út Trang (số 60 đường LD, phường PĐ, TP. P) cầm cố cho ông Đ V T (sinh năm 1988, là chủ tiệm và cũng là người quen của T) lấy 8.000.000 đồng. Sau khi cầm cố xe mô tô, T đi bộ đến vị trí H đứng chờ và đưa hết tiền cầm cố xe cho H, rồi đi về. Đến ngày 01/3/2021, T gọi điện thoại hỏi H có chuộc lại xe mô tô 81B2-884.29 hay không; do tiền cầm cố xe đã tiêu xài hết, nên H trả lời là không chuộc. Do vậy, T tự bỏ tiền ra chuộc lại xe mô tô 81B2-884.29, rồi bán cho anh T Q T(sinh năm 1994, trú Thôn 4, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum) lấy 16.000.000 đồng sử dụng tiêu xài.

Đối với anh L B L, sau đó đã nhiều lần liên lạc yêu cầu N H H trả xe mô tô 81B2-884.29, nhưng H trốn tránh, không trả. Ngày 10/5/2021, anh L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. P tố giác hành vi chiếm đoạt xe mô tô 81B2-884.29 do H thực hiện. Qua xác minh, ngày 12/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. P làm việc với anh N Q T và thu giữ được xe mô tô hiệu Suzuki Rainer, biển số 81B2-884.29.

Qua định giá, xác định xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rainer, biển số 81B2-884.29 của anh L B L bị N H H chiếm đoạt ngày 14/02/2021, có trị giá 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng). Sau khi định giá, Cơ quan điều tra xử lý trả lại xe mô tô trên cho anh L.

Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 18/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo N H H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N H H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng: điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo tù 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 03/12/2022.

Trả cho T Đ T số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn) mà bị cáo N H H phải bồi thường cho Trần Đức T. Gia đình bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000138 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo N H H pH chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo luật định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N H H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể: N H H và anh L B L có quen biết nhau. Khoảng 18 giờ ngày 14/02/2021, tại quán nhậu Shock Bờ Kè thuộc phường HP, TP. P, H có ý định từ trước nên giả vờ

hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rainer, biển số 81B2-884.29 trị giá 27.000.000 đồng của anh L để đi công việc, nhưng thực chất là chiếm đoạt để cầm cố lấy tiền tiêu xài. Ngay sau đó, H nhờ T Đ Tmang xe mô tô 81B2-884.29 đi cầm cố lấy 8.000.000 đồng sử dụng tiêu xài, rồi bỏ trốn. Ngày 03/12/2022, H bị bắt theo quyết định truy nã; xe mô tô 81B2-884.29 đã được thu hồi, trả lại cho anh L.

Người bị hại anh L B L khai tại bản khai: Ngày 14/02/2021 đã bị N H H lừa dối chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rainer, biển số 81B2-884.29 trị giá 27.000.000 đồng. Nay anh L đã nhận lại xe và không yêu cầu gì.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xét thấy, hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác như lợi dụng chỗ quen biết, bạn bè, sau đó tạo sự tin tưởng của người bị hại, bị cáo giả vờ mượn xe mô tô trị giá 27.000.000 đồng để sử dụng chở T đi lấy áo khoát, nhưng thực chất đã có ý định chiếm đoạt từ trước là sẽ chiếm đoạt xe mô tô của anh L để đi thế chấp lấy tiền tiêu xài, do đó hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội, đã phạm vào tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu đã hai lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt; Ngày 16/3/2017, bị Tòa án nhân dân TP. P, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 34/HSST.

Ngày 13/7/2017, bị Tòa án nhân dân TP. P, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm 04 tháng tù về tội: “*Cướp giật tài sản*” (theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 88/HSST. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 34/HSST ngày 16/3/2017, buộc N H H chấp hành hình phạt chung là 03 năm 11 tháng tù; Tại các thời điểm phạm tội trên bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên chưa có án tích. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai báo về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy cần áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, để xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi được nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Rainer biển số 81B2-884.29, anh L B L không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự. T Đ Tyêu cầu N H H pH bồi thường số tiền 8.000.000 đồng mà T đã chi ra để chuộc lại xe mô tô 81B2-884.29 sau khi giúp H cầm cố cho ông Đ V T; Gia đình bị cáo đã nộp 8.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P theo biên lai thu số 0000138 ngày 12/6/2023 để bồi thường cho Trần Đức T .

Đối với vấn đề dân sự giữa T Đ Tvà anh NQT, đã được giải quyết tại tại Bản án số 49/HSST ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân TP. P nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về vấn đề khác:

Đối với hành vi giúp N H H cầm cố xe mô tô 81B2-884.29 do H chiếm đoạt của anh L B L, sau đó chuộc lại và mang đi bán cho người khác lấy tiền chênh lệch để tiêu xài do T Đ T thực hiện, đã bị khởi tố điều tra, truy tố và bị Tòa án nhân dân TP. P xét xử về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tại Bản án số 49/HSST ngày 25/4/2022.

Về án phí HS-ST: Bị cáo N H H pH chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **N H H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

Xử phạt: bị cáo N H H **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn tù T h từ ngày bắt tạm giữ 03/12/2022.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Trả cho T Đ T số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn) mà bị cáo N H H phải bồi thường cho Trần Đức T . Gia đình bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000138 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo N H H pH chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 27/6/2023) bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THA dân sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Tố Uyên